

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 4 năm 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 542/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim L, sinh năm: 1993; Địa chỉ: 63 Đông D, tổ 37 phường An Hải B, quận Sơn Tr, TP Đà Nẵng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Xuân H, sinh năm: 1988; Địa chỉ K45B /26D Dũng sỹ Thanh Kh, tổ 36 phường Thanh Khê T, quận Thanh Kh, TP Đà Nẵng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - Bà Lê Thị Kim L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Xuân H đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Chúng tôi có thời gian tìm hiểu nhau và có tổ chức kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa chúng tôi nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, nghiện ma túy và thường xuyên đánh đập vợ con. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không nghe tôi và tôi không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hiện tại, chúng

tôi sống ly thân, tôi đã về nhà mẹ ruột tại 63 Đông D, tổ 37, phường An Hải B, quận Sơn Tr, TP Đà Nẵng. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Xuân H.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Kim L xác định có 02( hai) con chung là: Lê X, sinh ngày 19-4-2014 và Lê Bảo A, sinh ngày 03-10-2017. Ly hôn, Bà Lê Thị Kim L mong muốn được nuôi cả 02 con chung Lê X, Lê Bảo A và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, nếu ông H cũng có nguyện vọng nuôi con thì Bà L đồng ý nuôi con chung Lê Bảo A sinh ngày 03-10-2017 và giao con chung Lê X, sinh ngày 19-4-2014 cho ông H nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Kim L xác định không có.

*\* Theo Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn - ông Lê Xuân H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như lời trình bày của Bà Lê Thị Kim L. Trong thời gian chung sống với nhau, chúng tôi có xảy ra mâu thuẫn chưa đến mức vợ chồng phải ly hôn. Nguyên nhân là cả hai đều có lỗi. Hiện tại, Bà L không còn sống chung với tôi, tôi đã nhiều lần xin lỗi và khuyên ngăn Bà L đoàn tụ gia đình nhưng Bà L không đồng ý. Tôi không đồng ý ly hôn vì các con còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ tôi sẽ cố gắng hoàn thiện bản thân và làm ăn để lo cho vợ và các con.

- Về con chung: Ông Lê Xuân H xác định có 02 (hai) con chung: Lê X, sinh ngày 19-4-2014 và Lê Bảo A sinh ngày 03-10-2017.

Ly hôn, ông Lê Xuân H mong muốn được nuôi cả 02 con chung Lê X, Lê Bảo A và không yêu cầu Bà L cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án phân chia về việc nuôi con thì tôi có nguyện vọng nuôi con chung Lê Bảo A, sinh ngày 03-10-2017 và giao con chung Lê X sinh ngày 19-4-2014 cho Bà L nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho nhau

- Về tài sản chung: Ông Lê Xuân H xác định không có.

- Về nợ chung: Tôi và Bà L có nợ chung, tôi sẽ có đơn gửi Tòa án giải quyết sau.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.*

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị xử cho Bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Xuân H; giao cả 02 con chung Lê X, sinh ngày 19-4-2014 và Lê Bảo A sinh ngày 03-10-2017 cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lê Xuân H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Kim L và ông Lê Xuân H đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Theo nguyên đơn - Bà Lê Thị Kim L trình bày quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, nghiện ma túy và thường xuyên đánh đập vợ con. Bà L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Xuân H. Về phía ông H thì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, ông xin được đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của Bà Lê Thị Kim L và ông Lê Xuân H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, Bà L cho rằng không chấp nhận được lối sống và không còn tình cảm với ông H nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Về phía ông H, quá trình Tòa án triệu tập để hoà giải thì ông có mặt và xin đoàn tụ nhưng đến nay lại không tham gia phiên tòa dù Tòa án đã hai lần thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ - Điều này thể hiện ông Lê Xuân H cũng đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này.

[4] Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng Bà L ông H trong thời gian sống chung có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xô xát nhau, gây mất trật tự tại địa phương, nay Bà L đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của Bà L ông H đã đến mức trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Bà Lê Thị Kim L.

[6] Về quan hệ con chung: Theo Bà Lê Thị Kim L và ông Lê Xuân H xác nhận thì trong quá trình chung sống, vợ chồng sinh được 02 người con là Lê X, sinh ngày 19-4-2014 và Lê Bảo A sinh ngày 03-10-2017. Nếu ly hôn, cả Bà L và ông H đều có yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu phải phân chia con thì cả hai đều muốn được nuôi cháu Lê Bảo A. Hiện tại, hai con chung có lúc ở với ông H, có lúc ở với Bà L.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, Bà Lê Thị Kim L lại yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Xét yêu cầu của hai bên đương sự và tình trạng của con chung thì thấy: Mỗi người làm cha làm mẹ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung như nhau và cũng không có chứng cứ gì thể hiện các bên đã vi phạm nghĩa vụ

của mình nên Hội đồng xét xử thấy giao cho mỗi người nuôi một con chung là hợp tình hợp lý. Đồng thời, cháu Lê Bảo A là cháu nhỏ hơn, giới tính nữ nên cần giao cho Bà L và giao cháu lớn Lê X (nam) cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mỗi người nuôi một con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quan hệ tài sản chung: Bà Lê Thị Kim L trình bày tài sản chung và nợ chung không có. Bị đơn là ông Lê Xuân H trình bày tài sản chung không có và nợ chung sẽ có đơn yêu cầu Toà án giải quyết sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về mối quan hệ này.

[9] Về vấn đề án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

[10] Các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của Bà Lê Thị Kim L đối với ông Lê Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Xuân H.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 ngày 20 tháng 6 năm 2014 của UBND phường Thanh Khê T, quận Thanh Kh, TP Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung:

Bà Lê Thị Kim L và ông Lê Xuân H có 02 con chung là: Lê X, sinh ngày 19-4-2014 và Lê Bảo A sinh ngày 03-10-2017.

Giao cháu Lê X, sinh ngày 19-4-2014 cho ông Lê Xuân H và giao cháu Lê Bảo A sinh ngày 03-10-2017 cho Bà Lê Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

### 3. Án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002442 ngày 02 tháng 12 năm 2020 (đã nộp đủ).

4. Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND P.Thanh Khê T, Q.Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Mai**